TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 37/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 12-8-2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng

2. Bà Phan Thị Ngọc Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỷ – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tHm gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2019/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thị H, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 3, ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Ông Điểu Đ, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 3, ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Thị H tự nguyện sống chung với ông Điểu Đ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước vào năm 2004. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Điểu Đ thường xuyên uống rượu say, không quan tâm gia đình dẫn đến cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể sống chung với nHu được nữa nên bà Thị H xin ly hôn với ông Điểu Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Điểu T, sinh ngày 26/5/2000 và Thị N, sinh ngày 17/11/2003. Khi ly hôn, đối với con tên T hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con tên N thì tùy nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi dưỡng. Ngoài ra, hiện bà Thị H không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

- Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Bà Thị H và ông Điểu Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Nay do điều kiện công việc đi làm ăn xa nên ngày 14/3/2019 bà Thị H có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn ông Điểu Đ vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt làm việc. Căn cứ biên bản xác minh cùng ngày 02/4/2019 của Tòa án xác minh tại Công an xã L xác định: ông Điểu Đ có đăng ký hộ khẩu tại ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước và hiện vẫn còn ở địa phương.

Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho ông Điểu Đ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ và không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo luật định. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị H.

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thị H và ông Điểu Đ.

+ Về con chung: Giao con chung tên Thị N, sinh ngày 17/11/2003 cho bà Thị H nuôi dưỡng. Con Điểu T, sinh ngày 26/5/2000 hiện đã trưởng thành nên không xem xét.

+ Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Bà Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

+ Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Điểu Đ. Xét ông Điểu Đ cư trú tại ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn bà Thị H vắng mặt có đơn xin vắng mặt, bị đơn là ông Điểu Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị H và ông Điểu Đ tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 27/9/2004 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Thị H và ông Điểu Đ là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù tại phiên Tòa bà Thị H vắng mặt, tuy nhiên theo lời khai của bà Thị H tại đơn khởi kiện, bản tự khai thì giữa bà và ông Điểu Đ đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2006 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Điểu Đ thường xuyên uống rượu say, không quan tâm gia đình, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay bà Thị H xác định không thể sống chung với ông Điểu Đ được nữa và yêu cầu được ly hôn. Đối với ông Điểu Đ, tại phiên Tòa ông Điểu Đ vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông Điểu Đ không đến làm việc cũng như tham gia hòa giải để đưa ra ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Thị H và ông Điểu Đ đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thị H.

[4] Về con chung: Bà Thị H và ông Điểu Đ có 02 con chung tên Điểu T, sinh ngày 26/5/2000 và con Thị N, sinh ngày 17/11/2003. Khi ly hôn, theo bà Thị H con tên Điểu T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con tên Nhung thì tùy nguyện vọng của con theo ai người đó nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Điểu Đ không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2019 của Tòa án đối với cháu Thị N thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên giao cháu Thị N cho bà Thị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với con tên T hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà Thị H khai không có nên không xem xét.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thị H và ông Điểu Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thị N, sinh ngày 17/11/2003 cho bà Thị H nuôi dưỡng. Con Điểu T, sinh ngày 26/5/2000 hiện đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Bà Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Thị H chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0000051 ngày 13/3/2019.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng có bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THDS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Thiện;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Duyên